

Số: 128 /HD-SNN

Trà Vinh, ngày 21 tháng 10 năm 2017

HƯỚNG DẪN TẠM THỜI
Điều kiện nuôi Hàu bằng bè nổi trên sông nước lợ, mặn
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Giải thích từ ngữ

Cơ sở nuôi Hàu là nơi diễn ra hoạt động nuôi Hàu bằng bè nổi trên sông vùng nước lợ, mặn sử dụng hoàn toàn thức ăn tự nhiên do cá nhân hoặc tổ chức làm chủ.

1.2. Phạm vi áp dụng

- Đối tượng áp dụng: Hướng dẫn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở nuôi) có hoạt động liên quan đến nuôi Hàu bằng bè nổi trên sông vùng nước lợ, mặn.

- Phạm vi áp dụng: Áp dụng trên các tuyến sông nước lợ, mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có đủ điều kiện nuôi Hàu được sự cho phép của chính quyền địa phương.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. Lựa chọn địa điểm nuôi

- Mực nước không bị thay đổi đột ngột, không có nguồn nước ngọt đổ ra trực tiếp và không có vòng xoáy.

- Không bị nhiễm bẩn do chất thải từ các khu dân cư, nhà máy, khu công nghiệp,...

- Nơi đặt bè thoáng, có dòng chảy liên tục, thành phần thực vật phù du phong phú.

- Tránh nơi tàu thuyền qua lại nhiều, gần bến cảng, sóng và gió lớn, nhiều rong, các loại cây cỏ thủy sinh.

- Không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy, không gây sạt lở bờ sông.

- Các yếu tố môi trường phù hợp, cụ thể:

Chỉ tiêu	Yêu cầu
Độ mặn	15 – 30 ‰
pH nước	6,5 – 8,5
Độ sâu mực nước thấp nhất	> 3 m
Oxy hoà tan (DO)	> 5 mg/l
Độ trong	> 40 cm
Chất đáy	Nền đáy là cát hoặc bùn cát

2.2. Chuẩn bị công trình nuôi

2.2.1. Trang thiết bị và dụng cụ

- Thùng phi nhựa;
- Gỗ, tre làm khung bè.
- Cọc tràm và dây neo, dây treo giá thể.
- Giá thể bằng vật liệu rắn chắc, bền, có độ nhám để Hàu bám và các vật liệu khác,....

2.2.2. Thiết kế bè nuôi

- Bè phải được làm bằng các vật liệu rắn, chắc, bền, có khả năng chống chịu tốt với môi trường nước, sóng, gió, chất khử trùng tiêu độc, thiết kế để làm vệ sinh, khử trùng, di dời, lắp đặt.

- *Hình dạng*: Hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài 16m hoặc chiều rộng 6m, chiều dài 18m. Chiều rộng bè tùy thuộc vào chiều rộng của sông nơi đặt bè nhưng không nhỏ hơn 3m.

- *Vị trí đặt bè*:

+ Nơi đặt bè phải có độ sâu mực nước lúc thấp nhất lớn hơn 3m. Khoảng cách giữa các bè cách nhau tối thiểu 50m. Các bè nếu đặt thành từng cụm khi đặt song song phải cách nhau tối thiểu 100m, khi đặt so le cách nhau tối thiểu 200m.

+ Đáy bè (bao gồm độ sâu giá thể) phải cách đáy sông ít nhất 0,5m lúc mức nước thấp nhất.

+ Các bè phải đặt so le để không gây cản trở dòng chảy.

+ Vị trí đặt bè không quá 1/3 chiều rộng mặt sông và phải đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy theo quy định. Diện tích đặt bè chiếm tối đa 2% diện tích mặt nước lúc thấp nhất.

+ Các thanh gỗ, tre dùng treo dây giá thể được đặt theo chiều ngang của bè, khoảng cách giữa các thanh đà từ 30 – 50 cm.

- *Phao nổi*: Là các thùng phi nhựa (dung tích 200-300 Lít) hoặc phao xốp đặt dọc theo khung ngang, dọc của bè nuôi. Số lượng phao đảm bảo cho bè nổi trên mặt nước đến khi thu hoạch.

- *Giá thể*: sử dụng vật liệu rắn, chắc, bền, có độ nhám, không gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong môi trường nước, có kích thước (20x30cm) hoặc (30x40cm) được đục lỗ và treo trên các dây. Khoảng cách giữa các dây treo giá thể từ 30 – 35 cm.

2.3 Chọn giống và thả giống

2.3.1. Đối với chọn giống tự nhiên

- Cần chuẩn bị vật bám và thả vật bám đúng mùa vụ.
- Giá thể là vỏ các loài vỏ nhuyễn thể, tôn hoặc vỏ hào, mỗi dây treo từ 8-10 giá thể và dây treo vật bám cách nhau 30-35 cm.

2.3.2 Con giống nhân tạo

- Lựa chọn mua tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh có uy tín và đã được cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra, đánh giá phân loại đạt loại B trở lên.

- Lựa chọn con giống có màu sắc sáng, không dị hình, bệnh và đồng đều, kích cỡ 30 – 35 mm.

- Giống được kiểm dịch, kiểm định chất lượng đảm bảo theo công bố của cơ sở sản xuất và quy định của Nhà nước.

2.3.2. Mật độ: Một dây treo có chiều dài 2-2,5 m, khoảng cách mỗi dây là 30 – 35 cm, mỗi dây được treo 8-10 giá thể chứa Hàu giống. Trên mỗi vật bám có từ 4 con Hàu giống bám trở lên.

2.4. Mùa vụ: Từ tháng 1- 5 dương lịch trong năm.

2.5. Chăm sóc và quản lý

2.5.1. Chăm sóc

- Định kỳ kiểm tra, gia cố hệ thống bè nuôi, đặc biệt là trước và trong mùa mưa bão. Có thể hạ sâu dây Hàu để hạn chế ảnh hưởng sóng gió. Thời gian 10- 15 ngày kiểm tra tốc độ sinh trưởng và phát triển của Hàu cũng như vệ sinh loại bỏ những vật bám, rong, rêu và phù sa,..

- Trong quá trình nuôi phải chủ động san thưa dây Hàu để đảm bảo điều kiện thức ăn cho sinh trưởng và phát triển.

2.5.2. Quản lý môi trường

- Mỗi cơ sở nuôi phải có nơi chứa rác thải sinh hoạt, rác thải phải được thu gom xử lý đúng cách. Đối với xác Hàu chết phải loại bỏ, không vứt ra môi trường xung quanh để gây ô nhiễm môi trường và tạo điều kiện cho mầm bệnh bùng phát lây lan.

- Động cơ và thiết bị máy móc khi sử dụng (nếu có) phải đảm bảo không rò rỉ xăng, dầu vào nguồn nước.

- Thực hiện quan trắc một số yếu tố môi trường chính như pH, Ôxy hòa tan, độ mặn, độ kiềm,... để có biện pháp quản lý kịp thời.

- Thực hiện thủ tục môi trường đối với dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² mặt nước trở lên theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ gửi cơ quan có thẩm quyền xác nhận trước khi thực hiện dự án.

2.6. Lao động kỹ thuật

Công nhân làm việc tại cơ sở nuôi phải được tập huấn về an toàn thực phẩm, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; hướng dẫn cách bảo quản sản phẩm khi thu hoạch.

2.7. Thu hoạch

- Sau 12- 18 tháng nuôi thì có thể tiến hành thu hoạch.

- Mùa vụ thu hoạch từ tháng 5-6 dương lịch hàng năm, mùa vụ thu hoạch có liên quan đến chất lượng sản phẩm, trong thời gian này Hàu mang trứng, hàm lượng dinh dưỡng cao.

- Trước khi vận chuyển đến nơi tiêu thụ cần vệ sinh bên ngoài Hàu, loại bỏ những vật bám, vận chuyển Hàu đến nơi tiêu thụ trong môi trường ẩm và mát.

2.8. Ghi chép và lưu trữ hồ sơ

- Cơ sở phải theo dõi, ghi chép các thông tin trong quá trình nuôi.
- Lập và lưu trữ hồ sơ liên quan gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng mặt nước/ quyết định giao mặt nước/hợp đồng thuê mặt nước, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, THT, HTX,...hồ sơ theo dõi quá trình nuôi, thông tin sản phẩm khi bán.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Cơ sở nuôi phải thực hiện đăng ký nuôi và được UBND cấp xã xác nhận.

3.2. Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND cấp huyện tổ chức thực hiện hướng dẫn tạm thời này trên địa bàn quản lý; phối hợp với UBND cấp xã thẩm định và trình UBND cấp huyện phê duyệt. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện định kỳ hàng tháng hoặc có yêu cầu đột xuất.

3.3. UBND cấp xã có trách nhiệm xác nhận việc đăng ký nuôi, theo dõi phản ánh kịp thời tình hình hoạt động tại vùng nuôi đến phòng Nông nghiệp và UBND cấp huyện định kỳ hàng tháng hoặc có yêu cầu đột xuất.

3.4. Hướng dẫn này là cơ sở để Chi cục Thủy sản kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở nuôi.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kịp thời./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGD Sở NN;
- Các Sở: GTVT, TNMT;
- UBND các huyện, TX, TP Trà Vinh;
- Phòng NN các huyện;
- Phòng KT: Thị xã DH, TPTV;
- Chi cục Thủy sản;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Truyền